

QUY CHẾ

Thực hiện dân chủ ở cơ sở phường Nhơn Hòa
(Ban hành kèm theo Quyết định số 344/QĐ-UBND
ngày 18/11.2024 của UBND phường Nhơn Hòa)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định cụ thể những việc chính quyền phường Nhơn Hòa phải thông tin công khai để dân biết; những việc Nhân dân bàn và quyết định; những việc Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những việc Nhân dân kiểm tra, giám sát.

Điều 2. Quy chế thực hiện dân chủ ở phường Nhơn Hòa nhằm phát huy quyền làm chủ, sức sáng tạo của Nhân dân trên địa bàn, động viên sức mạnh vật chất và tinh thần của Nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết, xây dựng Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể ở phường trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn và khắc phục tình trạng quan liêu, tham nhũng của một số cán bộ, đảng viên và các tệ nạn xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở:

1. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân gắn liền với cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ";
2. Dân chủ phải trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; đi đôi với trật tự, kỷ cương; quyền đi đôi với nghĩa vụ.

Chương II

CÔNG KHAI THÔNG TIN Ở PHƯỜNG

Điều 4. Những nội dung chính quyền phải công khai

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hàng năm của phường và kết quả thực hiện.
2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của phường trình HĐND phường; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được HĐND phường quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường định kỳ theo quý, 06 tháng, hàng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được HĐND phường phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của kiểm toán nhà nước (nếu có).
3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu

tư trên địa bàn; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do phường quản lý; kế hoạch cho thu hồi đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường; Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập thuộc phạm vi của phường.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở phường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở phường, khu vực; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của phường.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án trên địa bàn; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do phường quản lý.

7. Chủ trương, chính sách, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn.

8. Thông tin về đối tượng, cách thức bình xét, thủ tục thực hiện hỗ trợ để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, thảm họa hoặc hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn phường.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ, danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với CB,CC,NHĐKCT ở phường, khu vực; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của hai Ban HĐND ; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND phường.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền đưa ra lấy ý kiến Nhân dân.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương trực tiếp thu.

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương trực tiếp thực hiện.

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và Quy chế thực hiện dân chủ ở phường.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai thông tin

1. Các hình thức công khai thông tin bao gồm:

- a) Niêm yết thông tin;
- b) Đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của phường;
- c) Phát trên hệ thống truyền thanh của phường;
- d) Thông qua Trưởng khu vực để thông báo đến công dân;
- đ) Gửi văn bản đến công dân;
- e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND phường với Nhân dân;
- g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, hoạt động của người phát ngôn của UBND phường theo quy định của pháp luật;
- h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức khác của phường để phổ biến, tuyên truyền đến hội đoàn viên của mình;

2. Thời điểm công khai thông tin từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, UBND phường phải tổ chức công khai.

Điều 6. Lựa chọn hình thức công khai thông tin

1. Đăng tải trên trang thông tin điện tử của phường quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1,2,3,5,6,7,8,9,10,11 và 12, Điều 4 của Quy chế này tại Trụ sở UBND phường và trụ sở 9 khu vực. Thời gian niêm yết ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Thông tin quy định tại khoản 4 và khoản 13 Điều 4 của Quy chế này phải được niêm yết thường xuyên tại trụ sở UBND phường và được cập nhật khi có sự thay đổi.

3. Thông tin quy định tại khoản 7,8,9,10,11 và 12 Điều 4 của Quy chế này được công khai trên hệ thống truyền thanh của phường trong thời hạn ít nhất 03 ngày liên tục; đồng thời gửi đến Trưởng khu vực để thông báo đến Nhân dân được thông qua một hoặc nhiều hình thức gồm thông báo tại cuộc họp cộng đồng dân cư, sinh hoạt của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, hoặc gửi văn bản đến từng hộ gia đình, thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình.

4. Cùng với thực hiện công khai thông tin theo quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều này, UBND phường có thể lựa chọn hình thức công khai thông tin khác phù hợp với điều kiện và thực tế ở địa phương để bảo đảm Nhân dân được tiếp cận thông tin được chính xác, đầy đủ và kịp thời.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện việc công khai thông tin

1. UBND phường có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin, trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. UBND phường có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin đối với những thông tin trong thời gian công khai nhưng chưa được công khai.

3. UBND phường tổng hợp, báo cáo HĐND phường về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi UBMTTQVN phường để giám sát.

Chương III NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 8. Những nội dung Nhân dân bàn và quyết định

1. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn phường, khu vực do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

2. Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư ngoài các khoản đã được pháp luật quy định; việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn thu hợp pháp khác.

3. Nội dung Quy ước của cộng đồng dân cư.

4. Bầu, cho thôi làm Trưởng khu vực.

5. Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

6. Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định pháp luật, phù hợp với thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội.

Điều 9. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

1. Đối với nội dung có phạm vi thực hiện trên địa bàn phường, Chủ tịch UBND phường sau khi thống nhất với Chủ tịch UBMTTQVN phường quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng khu vực tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

2. Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trung khu vực, Trưởng khu vực sau khi thông nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận ở khu vực đề xuất nội dung để cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

3. Công dân cư trú tại khu vực có sáng kiến đề xuất về nội dung quy định tại Điều 8 của Quy chế này và được ít nhất 10% tổng số hộ gia đình tại khu vực đồng

thuận thì gửi đề xuất đến Trưởng khu vực để đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Trường hợp sáng kiến của công dân chưa có đủ 10% tổng số hộ gia đình ở khu vực đồng thuận nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban CTMT ở khu vực tán thành thì Trưởng khu vực đưa ra cộng đồng dân cư bàn và quyết định.

Việc thu thập ý kiến đồng thuận của hộ gia đình có thể thực hiện trực tiếp tại cuộc họp cộng đồng dân cư, bằng văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của đại diện hộ gia đình hoặc hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tế tại cộng đồng dân cư. Ý kiến đồng thuận với sáng kiến của công dân có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thể hiện ý kiến.

Điều 10. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định

1. Tùy theo nội dung được đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Trưởng khu vực tổ chức để Nhân dân khu vực bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;
- b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;
- c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Việc bàn, quyết định các nội dung quy định tại khoản 3,4,5 Điều 8 của Quy chế này phải được thực hiện tại cuộc họp của cộng đồng dân cư.

3. Trường hợp pháp luật có quy định khác thì việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 11. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

1. Cuộc họp của cộng đồng dân cư do Trưởng khu vực triệu tập và chủ trì tổ chức; trường hợp cuộc họp để bầu, cho thôi làm Trưởng khu vực thì Trưởng Ban công tác mặt trận khu vực triệu tập và chủ trì. Trường hợp khuyết Trưởng khu vực thì Chủ tịch UBND phường chỉ định đại diện Ban công tác mặt trận khu vực để triệu tập và tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; thành phần cuộc họp cộng đồng dân cư gồm: Trưởng khu vực, Ban công tác mặt trận, đại diện các hộ gia đình trong khu vực.

2. Đại diện hộ gia đình là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có đủ khả năng đại diện cho các thành viên hộ gia đình.

3. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư được thực hiện như sau:

- a) Người chủ trì tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết làm thư ký;

b) Chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định; trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 12. Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình

1. Trưởng khu vực tổ chức gửi phiếu biểu quyết đến từng hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết về các nội dung có phạm vi thực hiện trong khu vực hoặc trong địa bàn phường đối với các trường hợp sau đây:

a) Chủ tịch UBND phường quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường;

b) Cộng đồng dân cư đã tổ chức cuộc họp mà không có đủ đại diện số hộ gia đình tham dự để đạt tỉ lệ phiếu biểu quyết tán thành tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 14 của Quy chế này;

c) Các trường hợp khác do Trưởng khu vực quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở khu vực.

2. Trưởng khu vực phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến; thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến có từ 03 đến 05 thành viên và công khai thông tin đến Nhân dân ở khu vực về nội dung lấy ý kiến, thời điểm, thời hạn lấy ý kiến, thành phần Tổ phát phiếu lấy ý kiến chậm nhất 02 ngày trước ngày thực hiện việc phát phiếu lấy ý kiến.

3. Mỗi hộ gia đình được phát 01 phiếu lấy ý kiến; tổ phát phiếu có nhiệm vụ gửi phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến từng hộ gia đình, tổ chức thu phiếu theo đúng thời hạn đã được xác định và tổng hợp đầy đủ, khách quan kết quả phiếu lấy ý kiến.

Điều 13. Quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản dưới hình thức nghị quyết, biên bản cuộc họp, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của cộng đồng dân cư. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng khu vực lựa chọn hình thức văn bản của cộng đồng dân cư phù hợp với nội dung quyết định và điều kiện thực tế sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác Mặt trận ở khu vực.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;
- b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;
- c) Nội dung công đồng dân cư bàn;
- d) Hình thức công đồng dân cư quyết định;
- đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến;
- e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;
- g) Chữ ký của Trưởng khu vực, Trưởng ban công tác Mặt trận khu vực và 02 đại diện của hộ gia đình.

3. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày cộng đồng dân cư tổ chức họp biểu quyết hoặc kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến UBND và UBMTTQVN phường.

Điều 14. Hiệu lực quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Quy chế này được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong khu vực tán thành.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường được thông qua khi có từ hai phần ba tổng số khu vực trở lên tán thành.

Quyết định của cộng đồng dân cư quy định tại các khoản 3,4,5 và 6 Điều 8 của Quy chế này được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong khu vực tán thành.

2. Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1,2 và 6 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong khu vực có hiệu lực kể từ ngày được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua.

Đối với quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung quy định tại khoản 1,2 Điều 8 của Quy chế này có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường, thì thời điểm có hiệu lực do UBND phường quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của cộng đồng dân cư.

Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày UBND phường ban hành quyết định công nhận; quyết định của cộng đồng dân cư tại khoản 5 Điều 8 của Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày UBMTTQVN phường ban hành quyết định công nhận.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của cộng đồng dân cư, UBND và UBMTTQVN phường phải ban hành quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 15. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư

1. UBND phường có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường; kiểm tra, theo dõi việc tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong khu vực.

UBND phường tổng hợp, báo cáo HĐND phường về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến UBMTTQVN phường để giám sát.

2. Trưởng khu vực có trách nhiệm công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả lấy phiếu ý kiến của Nhân dân tại khu vực; tổ chức thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư có phạm vi thực hiện trong khu vực; báo cáo kết quả thực hiện quyết định của cộng đồng dân cư đến Nhân dân khu vực và UBND phường.

3. UBMTTQVN phường có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung nhân dân bàn, quyết định.

4. Việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư; phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng khu vực; việc xây dựng và thực hiện quy ước của cộng đồng dân cư được quy định tại Điều 3,4,5,6,7,8 và 9 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ.

Chương IV
NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 16. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất và phương án phát triển ngành nghề của phường.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất của thị xã và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho UBND phường quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính; dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, đặt tên, đổi tên khu vực.

5. Dự thảo quyết định hành chính của UBND phường liên quan đến lợi ích cộng đồng và những ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đề án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quy hoạch chung xây dựng phường, quy hoạch xây dựng điểm dân cư.

7. Dự thảo Quy chế thực hiện dân chủ ở phường; dự thảo thực hiện quy chế dân chủ ở từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể ở phường (nếu có).

8. Các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc UBND phường thấy cần lấy ý kiến.

Điều 17. Hình thức nhân dân tham gia ý kiến

1. Các hình thức nhân dân lấy ý kiến bao gồm:

- a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND phường với Nhân dân;
- b) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;
- c) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;
- d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng;
- đ) Thông qua Ban CTMT khu vực và các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở;
- e) Thông qua trang thông tin điện tử của phường;
- g) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hợp pháp theo quy định pháp luật, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại khu vực;

2. Tùy theo nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến Nhân dân, khả năng của địa phương và phù hợp với quy chế thực hiện dân chủ ở phường, UBND phường quyết định lựa chọn một hoặc một số hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lấy ý kiến Nhân dân.

Điều 18. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại Điều 16 của Quy chế này thuộc thẩm quyền quyết định của cấp phường, trong đó xác định nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến HĐND và UBNDTTQVN phường; trường hợp lấy ý kiến Nhân dân về những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước cấp trên thì UBND phường tổ chức thực hiện lấy ý kiến theo các nội dung được giao trong kế hoạch lấy ý kiến của cơ quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến.

2. Ủy ban nhân dân phường phối hợp với UBNDTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội của phường tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến;

trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch UBND phường chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của cấp phường để quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo HĐND, UBND phường quyết định và thực hiện công khai kết quả tổng hợp ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho phường đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì UBND phường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn. Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến UBND phường để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân.

5. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo HĐND phường về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến UBMTTQVN phường để giám sát.

6. UBMTTQVN phường phối hợp với UBND phường trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân trên địa bàn; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định pháp luật.

Chương V **NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

Điều 19. Nội dung kiểm tra, giám sát

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương cấp phường; cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp phường, khu vực.

Điều 20. Hình thức kiểm tra, giám sát

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở công đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức của phường, người hoạt động không chuyên trách của phường, khu vực và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức phường, người hoạt động không chuyên trách phường, khu vực, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND phường với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua MTTQVN phường, thông qua hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường, Ban Giám sát đầu tư của công đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân

1. Hằng năm, UBND phường có trách nhiệm phối hợp với UBMTTQVN phường tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của UBND và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

2. Nội dung, cách thức tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại giữa UBND phường với Nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 22. Hội nghị định kỳ của cộng đồng dân cư

1. Hội nghị công đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian cuối năm.

2. Trưởng khu vực có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ dân trong khu vực.

3. Tại hội nghị, Trưởng khu vực có trách nhiệm báo cáo với Nhân dân về tình hình của cộng đồng dân cư, kết quả thực hiện các nội dung đã được cộng đồng dân cư bàn và quyết định; đại diện Ban công tác mặt trận khu vực báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện dân chủ ở khu vực và trên địa bàn phường; Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại khu vực báo cáo, cung cấp thông tin về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xem xét, xác minh theo kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn.

Điều 23. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương ở phường, đối với cán bộ, công chức cấp phường trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến chính quyền, cán bộ, công chức cấp phường, Trưởng khu vực, Ban công tác mặt trận khu vực, các tổ chức – đoàn thể mà mình là thành viên, đến đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND hoặc phản ánh, đề nghị Ban TTND, Ban GSDTCCĐ, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thay mặt Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

1. Ủy ban nhân dân phường các trách nhiệm sau đây:

a) Bảo đảm vận hành thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền địa phương và của cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

b) Xem xét giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; kiến nghị của UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của mặt trận hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

c) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ tự quản khác của Nhân dân ở địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

2. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Chương VI BAN THANH TRA NHÂN DÂN, BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Mục 1

BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở PHƯỜNG

Điều 25. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở phường

1. Ban Thanh tra nhân dân ở phường gồm các thành viên được bầu từ các khu vực trên địa bàn phường. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng khu vực của phường nhưng không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Trưởng khu vực trên địa bàn phường.

Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tin nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì UBMTTQVN phường đề nghị khu vực đã bầu thành viên đó xem xét, cho thôi làm nhiệm vụ; trường hợp khuyết thành viên Ban Thanh tra trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban CTMT khu vực phối hợp với Trưởng khu vực tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo hướng dẫn của UBMTTQVN phường.

3. Ban Thanh tra nhân dân ở phường gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban TTND; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở phường

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức ở phường, người hoạt động không chuyên trách ở phường, khu vực.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân ở phường

1. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức cấp phường và người hoạt động không chuyên trách ở cấp phường, khu vực.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

3. Yêu cầu chính quyền địa phương cấp phường, cán bộ, công chức cấp phường cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân, cộng đồng dân cư.

5. Kiến nghị Chủ tịch UBND phường, cán bộ, công chức cấp phường, Trưởng khu vực khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của HĐND, UBND phường có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 28. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở phường

1. Ban Thanh tra nhân dân ở phường do UBND phường trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

2. Căn cứ vào chương trình hành động và sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBND phường, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình theo từng quý, 06 tháng và hằng năm.

3. Ban TTND có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu của UBND phường.

Điều 29. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường

1. Ủy ban ban nhân dân phường có trách nhiệm:

a) Thông báo cho Ban TTND về những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cấp phường; các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH hằng năm của phường;

b) Cung cấp thông tin hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban TTND, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Thông báo cho Ban TTND kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban TTND, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban TTND theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban MTTQVN phường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc tổ chức hội nghị cộng đồng dân cư của khu phố để bầu hoặc cho thôi làm thành viên Ban TTND;

b) Công nhận kết quả bầu thành viên Ban TTND; tổ chức cuộc họp Ban TTND để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thông báo kết quả bầu và thành phần Ban TTND đến HĐND, UBND phường và Nhân dân ở địa phương.

c) Hướng dẫn Ban TTND xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; xem xét báo cáo hoạt động của Ban TTND và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban TTND; tham gia hoạt động của Ban TTND khi xét thấy cần thiết;

d) Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban TTND; đôn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban TTND;

đ) Động viên nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban TTND. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban TTND được sử dụng từ ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của UBMTTQVN phường, do ngân sách nhà nước cấp phường bảo đảm.

Mục 2

BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 30. Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng (GSĐTCCĐ) được UBMTTQVN phường quyết định thành lập theo chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương án đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn phường, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho phường. Ban GSĐTCCĐ có ít nhất là 05 thành viên, gồm đại diện UBMTTQVN phường, Ban TTND ở phường và đại diện người dân trên địa bàn khu vực có chương trình, dự án; Ban GSĐTCCĐ tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Ban GSĐTCCĐ có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên; Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của ban, Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc kinh nghiệm, hiểu biết về các lĩnh vực có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư và tự nguyện tham gia Ban GSĐTCCĐ.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức cấp phường; không có người thân là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, giám sát, người trực tiếp quản lý đầu tư trên địa bàn phường.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban GSĐTCCĐ có các nhiệm vụ:

a) Theo dõi, giám sát sự phù hợp của chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn phường; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, GPMB và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các công trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn phường;

b) Đối với các công trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách cấp phường hoặc nguồn tài trợ trực tiếp của tổ chức, cá nhân cho phường, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn:

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu chủ đầu tư trả lời, cung cấp thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư theo quy định; đối với dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư, dự án bằng ngân sách phường hoặc nguồn tài trợ trực tiếp cho phường thì chủ đầu tư cung cấp thêm thông tin về quy trình, quy phạm kỹ thuật, chủng loại và định mức vật tư; kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình;

d) Tiếp nhận thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời;

đ) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về dự án đầu tư theo quy định thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

Điều 33. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban GSĐTCCĐ do UBMTTQVN phường trực tiếp chỉ đạo hoạt động.
2. Trên cơ sở hướng dẫn của UBMTTQVN phường, Ban GSĐTCCĐ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư của cộng đồng bám sát các nhiệm vụ và nội dung kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.
3. Ban GSĐTCCĐ có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả giám sát ĐTCCĐ với UBMTTQVN phường. Trưởng Ban GSĐTCCĐ được mời tham dự cuộc họp của HĐND, UBND, UBMTTQVN phường có nội dung liên quan đến chương trình, dự án mà Ban GSĐTCCĐ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

Điều 34. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ủy ban MTTQVN phường có trách nhiệm:
 - a) Chủ trì việc thành lập Ban GSĐTCCĐ cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực UBMTTQVN phường quyết định số lượng thành viên; cử đại diện Ban GSĐTCCĐ; dự kiến địa bàn và số thành viên được bầu theo từng địa bàn để chỉ đạo Ban CTMT khu vực phối hợp Trưởng khu vực tổ chức việc bầu thành viên là đại diện Nhân dân tham gia Ban GSĐTCCĐ; công nhận kết quả bầu thành viên Ban GSĐTCCĐ; tổ chức cuộc họp của Ban GSĐTCCĐ để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; cử, đề nghị cử hoặc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban GSĐTCCĐ trường hợp khuyết, thiếu;
 - b) Thông báo cho chủ đầu tư, Ban quản lý dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban GSĐTCCĐ chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện; thông báo về thành phần Ban GSĐTCCĐ đến HĐND, UBND phường và Nhân dân ở địa phương;
 - c) Hướng dẫn Ban GSĐTCCĐ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban GSĐTCCĐ trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo giám sát đầu tư của cộng đồng;
 - d) Xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban GSĐTCCĐ trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền; đôn đốc việc giải quyết của Ban GSĐTCCĐ;
 - đ) Động viên Nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban GSĐTCCĐ;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban GSĐTCCĐ; kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban GSĐTCCĐ được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của UBNDTQVN phường, do ngân sách cấp phường bảo đảm.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm:

a) Bố trí địa điểm làm việc để Ban GSĐTCCĐ tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban GSĐTCCĐ;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban GSĐTCCĐ, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị;

d) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban GSĐTCCĐ, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban GSĐTCCĐ theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư, Ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm sau:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban GSĐTCCĐ;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban GSĐTCCĐ thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

c) Tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban GSĐTCCĐ và thông báo kết quả thực hiện đến Ban GSĐTCCĐ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 35. Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách của phường, khu vực và Nhân dân trên địa bàn phường có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh những quy định trong Quy chế này. Tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế dân chủ sẽ được biểu dương, khen thưởng; người có hành vi lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích tập thể, quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.